TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI - TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 212/2017/HNGĐ-ST
Ngày 07 - 12 - 2017
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Biện Thị Nhung
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Hiển
2. Ông Châu Hải Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 07 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 457/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2017, về tranh chấp "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 362/2017/QĐXX- ST ngày 27 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Chị Trần Thị P, sinh năm 1985 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp TC, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau
-*Bị đơn:* Anh Trần Việt N, sinh năm 1978 (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp TĐ, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn chị Trần Thị Phướng trình bày:*

- *Về hôn nhân*: Chị Trần Thị P và anh Trần Việt N chung sống với nhau vào ngày 29/3/2006, hôn nhân tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống anh chị thường xảy ra mâu thuẫn cãi vã, bất đồng ý kiến về vấn đề kinh tế trong gia đình. Anh chị đã ly thân nhau từ năm 2010 cho đến nay. Nay chị P yêu cầu được ly hôn với anh N.

- *Về con chung:* Trong quá trình chung sống có một người con chung tên Trần Huệ T, sinh ngày 06/9/2007 hiện đang do chị P nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị P yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung, nợ người khác, người khác nợ lại:* Chị P xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại đơn xin từ chối tham gia tố tụng đề ngày 17/11/2017 bị đơn anh Trần Việt N trình bày:*

Về hôn nhân, thời gian kết hôn, không có đăng ký kết hôn là đúng nhưng vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì. Anh N không biết lý do gì chị Phướng xin ly hôn với anh. Nay anh N đồng ý ly hôn chị P. Về con chung và nợ đồng ý theo ý kiến của chị P. Ngoài ra do điều kiện sức khỏe không đảm bảo nên không tham gia tố tụng tại Tòa và đồng ý cho Tòa án xét xử vắng mặt anh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành cấp, tống đạt các văn bản tố tụng anh Trần Việt N đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, anh N có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Trần Việt N.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thị P và anh Trần Việt N kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, không đăng ký kết hôn. Chị P xin ly hôn anh N đồng ý. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định tại điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình của Quốc hội quy định *"Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2001 trở đi ...nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là vợ chồng..."*. Do đó, khi xác lập mối quan hệ hôn nhân chị P và anh N không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Có một người con chung tên Trần Huệ T (nữ), sinh ngày 06/9/2007 hiện đang do chị P nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị P yêu cầu nuôi con được anh N đồng ý. Mặc khác tại "*Biên bản V/v ghi ý kiến của con chung"* ngày 27/11/2017 tại Tòa án cháu Trần Huệ T có nguyện vọng xin được ở với mẹ là Trần Thị P là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị P giao cháu T cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Vấn đề cấp dưỡng: Chị P không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị P xác định không có. Anh N không có ý kiến trình bày về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ người khác, người khác nợ lại: Chị P và anh N xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị P phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, Khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, các Điều 15, 53, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí tòa án;

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ chị Trần Thị P và anh Trần Việt N là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Huệ T (nữ), sinh ngày 06/9/2007 cho chị Trần Thị P tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Trần Việt N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị P phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), ngày 13 tháng 11 năm 2017 đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0009300 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Biện Thị Nhung